

15. 疲れている中学生

埼玉県市民グループが三百五十人の中学生を対象に実施したアンケート調査の結果、中学生の七二パーセントが「疲れを感じている」と答え、塾などに通う子どもは七八パーセント、「体罰」を受けた経験がある者は三人に一人、「いじめ」にあった体験のある者が五人に一人いることもわかった。

単語リスト：

疲れている(つかれている)	実施した(じっしした) Đã tiến hành, thực hiện	体罰(たいばつ) Hình phạt về thể xác
Mệt mỏi		
中学生(ちゅうがくせい) Học sinh trung học cơ sở	アンケート調査(アンケートちょうさ) Điều tra bằng phiếu câu hỏi	受けた(うけた) Đã nhận
埼玉県(さいたまけん) Tỉnh Saitama	結果(けっか) Kết quả	経験(けいけん) Kinh nghiệm
市民グループ(しみんグループ) Nhóm công dân	答え (こたえ) Câu trả lời	いじめ Sự bắt nạt
~を対象に(~をたいしょうに) Đối với mục tiêu	塾(じゅく) Trường luyện thi, lớp học thêm	体験(たいけん) Trải nghiệm, kinh nghiệm của bản thân
	通う(かよう) Đi, di chuyển lặp đi lặp lại	
	子ども(こども) Trẻ em, trẻ con	